

Bản án số: 273/2019/DS-PT

Ngày: 18/9/2019

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Liên Anh;

Bà Nguyễn Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân quận HK, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 257/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh H.A.T, sinh năm 1970; Địa chỉ: số 7, ngõ 93/23, H.M, phường H.V.T, quận H.M, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị L.T.A.T, sinh năm 1976; Địa chỉ: số 1 L.P.H, phường T.T, quận HK, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh H.A.T - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh H.A.T trình bày: Do quen biết nên anh có cho chị L.T.A.T vay 02 lần tiền cụ thể:

Lần 1: Tại Giấy vay tiền ngày 13/6/2014 anh cho chị T vay số tiền 15.000.000đ, lãi suất 5% tháng, lãi quá hạn 150% tháng trong hạn, thời hạn vay 01 tháng.

Lần 2: Tại Giấy vay tiền ngày 05/8/2014 anh cho chị T vay 20.000.000đ, lãi suất 5% tháng, lãi quá hạn 150% tháng trong hạn, thời hạn vay 01 tháng.

Quá trình vay nợ, chị T có trả cho anh một phần tiền lãi nhưng anh không nhớ là bao nhiêu. Sau đó, chị T không trả anh cả tiền vay gốc và tiền lãi. Đã nhiều lần anh gọi điện thoại nhưng chị T không nghe. Khoảng tháng 11/2015 anh đã làm đơn trình báo Công an phường Cửa Đông về việc chị T cố tình trốn nợ. Công an đã triệu tập anh và chị T lên làm việc nhưng hai bên không thống nhất được cách giải quyết khoản nợ và Công an hướng dẫn anh sang Tòa án giải quyết.

Nay anh đề nghị chị T có trách nhiệm trả anh tiền vay gốc là 35.000.000đ. Còn tiền lãi chị T phải trả anh được tính từ ngày vay đến ngày 21/6/2019 như sau:

- Tiền lãi của số vay gốc 15.000.000đ (vay ngày 13/6/2014) được tính là: $15.000.000đ \times 5\% \text{ tháng} \times 60 \text{ tháng} = 45.175.000đ$.

- Tiền lãi của số vay gốc 20.000.000đ (vay ngày 15/8/2014) được tính là: $20.000.000đ \times 5\% \text{ tháng} \times 58 \text{ tháng} = 58.530.800đ$.

Cộng tiền gốc và 2 khoản lãi: $35.000.000đ + 45.175.000đ + 58.530.800đ = 138.705.000đ$.

Bị đơn chị L.T.A.T trình bày: Chị công nhận có vay anh H.A.T 02 lần tiền như anh T đã khai. Nhưng lần vay thứ I chị đã trả anh T cả tiền gốc và tiền lãi xong rồi thì anh T mới cho chị vay tiếp lần thứ II. Tuy nhiên lần trả tiền vay trước chị không yêu cầu anh T ký giấy nhận tiền chị đã trả. Còn lần vay thứ II thì chị đã trả anh T mấy lần tiền gốc và lãi thông qua chuyển khoản Ngân hàng = 35.000.000đ. Chị nhớ có lần chị trả anh T bằng tiền mặt nhưng cũng không yêu cầu anh T ký giấy nhận tiền chị trả.

Ngày 01/01/2016 do chị có khó khăn về kinh tế nên chưa trả được nợ cho anh T. Chị khẳng định 02 Giấy vay tiền chị có ký nhưng để trống phần lãi suất cho vay và sau này anh T tự điền vào là 5% tháng.

Anh T kiện đòi tiền cho chị vay và tiền lãi, những lần chị trả tiền cho anh T nhưng không yêu cầu anh T ký giấy nhận tiền chị trả nên không có tài liệu xuất trình cho Tòa án. Chị đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét yêu cầu của anh T, nếu đối trừ mà chị còn nợ tiền anh T thì chị trả.

Hiện nay anh T còn giữ hồ sơ của chị bao gồm: 01 Sổ hộ khẩu gia đình (bản gốc) + 01 Giấy khai sinh của chị (bản gốc) + 01 Giấy khai sinh của con gái chị là T.L.U(bản gốc). Chị yêu cầu anh T trả lại cho chị.

Bản án số 14/2019/DS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân quận HK, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh H.A.T đối với chị L.T.A.T về việc đòi tiền cho vay.

2. Buộc chị L.T.A.T phải trả cho anh H.A.T số tiền nợ gốc là 15.560.000đ.

3. Không chấp nhận yêu cầu mức lãi suất 5%/tháng của số tiền nợ gốc 35.000.000đ của anh H.A.T đối với chị L.T.A.T.

4. Buộc anh H.A.T phải trả lại cho chị L.T.A.T các giấy tờ gốc sau:

- 01 Quyền sở hữu khẩu mang tên chủ hộ là bà N. T. T;
- 01 Giấy khai sinh mang tên T. L. U;
- 01 Giấy khai sinh mang tên L.T.A.T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/7/2019, nguyên đơn anh H.A.T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét lại cách tính lãi của số tiền vay theo Điều 468 khoản 2 BLDS năm 2015; và do anh thắng kiện nên không phải chịu án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; và đơn kháng cáo.
- Bị đơn giữ nguyên quan điểm.
- Các bên đương sự không thỏa thuận được để giải quyết vụ án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Đại diện VKS nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng: tính lãi suất vay trong hạn là $0,75\% \times 150\% = 1,125\%$; Lãi suất vay quá hạn là $1,125\% \times 150\% = 1,687\%$.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I/ Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh H.A.T nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

II/ Xét nội dung đơn kháng cáo của anh H.A.T cho thấy:

[1]. Anh H.A.T và chị L.T.A.T đều công nhận: Ngày 13/6/2014 anh T cho chị T vay 15.000.000đ; và ngày 05/8/2014 anh T cho chị T vay tiếp 20.000.000đ.

Cả 02 lần vay tiền chị T đều ký Giấy vay tiền và do anh T giữ. Và chị T còn giao cho anh T một số giấy tờ sau: Sổ HKGD mang tên bà N. T. T; Giấy khai sinh của chị T và của con gái chị T; Hợp đồng lao động của chị T; Bằng Cao học của chị T; Thẻ bảo hiểm xã hội. Tất cả đều là bản gốc. Anh T đã trả chị một số giấy tờ, các giấy tờ còn lại anh T chưa trả là: 01 quyền sở hộ khẩu mang tên chủ hộ là bà N. T.T, 01 Giấy khai sinh mang tên T. L. U, 01 Giấy khai sinh của chị.

[2]. Sau khi vay tiền lần thứ I, đến hạn chị T khai đã trả tiền vay lần đầu gốc là 15.000.000đ + tiền lãi nhưng chị không yêu cầu anh T ký giấy nhận tiền, anh T khai không nhớ nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận lời khai của chị T.

Còn lần vay thứ II là 20.000.000đ, chị T khai chị đã trả một phần bằng tiền mặt nhưng chị cũng không yêu cầu anh T ký giấy nhận tiền, anh T khai không nhớ nên HĐXX cũng không có căn cứ để chấp nhận lời khai này của chị T. Chị T còn chuyển khoản tiền trả nợ anh T qua Ngân hàng. Tòa án sơ thẩm xác minh qua Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam thì kết quả: Kể từ ngày 19/8/2014- 01/01/2016 chị T đã chuyển khoản tiền cho anh T 35.000.000đ.

[3]. Các bên không tranh chấp về số tiền anh T cho chị T vay 02 lần = 35.000.000đ. Còn tiền lãi: Anh T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tính lãi số tiền anh cho chị T vay theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Xét thời gian anh T cho chị T vay tiền là ngày 13/6/2014 và ngày 05/8/2014. Như vậy vào thời điểm anh T cho chị T vay tiền năm 2014 thì BLDS năm 2005 vẫn đang có hiệu lực pháp luật; còn BLDS năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 476 BLDS năm 2005 để tính lãi suất cho vay đối với số tiền anh T cho chị T vay là có căn cứ.

[3.1]. Tòa án sơ thẩm đã tính tiền lãi đối với 02 khoản tiền mà anh T cho chị T vay như sau:

- Về lãi suất: Tòa án sơ thẩm đã căn cứ QĐ số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định là 9% năm; tính ra lãi suất tháng = 0,75%.

- Đối với số tiền vay 15.000.000đ ngày 13/6/2016: thời gian tính lãi từ ngày vay là 13/6/2014 đến 21/6/2019 (thời điểm xét xử sơ thẩm) là 60 tháng 8 ngày.

Tiền lãi là: 15.000.000đ x 0,75% tháng x 60 tháng 8 ngày = 6.780.000đ.

- Đối với số tiền vay 20.000.000đ ngày 05/8/2016: thời gian tính lãi từ ngày vay là 13/6/2014 đến 21/6/2019 (thời điểm xét xử sơ thẩm) là 58 tháng 16 ngày.

Tiền lãi là: 20.000.000đ x 0,75% tháng x 58 tháng 16 ngày = 8.780.000đ.

Xét cách tính tiền lãi của Tòa án sơ thẩm thì thấy: 02 Giấy vay tiền đều có

nội dung các bên thỏa thuận về lãi suất vay trong hạn (1 tháng) là 5%; và quá hạn lãi suất là $150\% \times 5\%$. Chị T cho rằng khi chị ký thì trong Giấy vay tiền chưa ghi lãi suất 5% tháng mà để lại anh T ghi sau. Tuy nhiên chị không có chứng cứ để chứng minh. Nhưng có căn cứ xác định các bên có thỏa thuận về lãi suất vay. Xét thỏa thuận của các bên đã vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố. Vì vậy lãi suất tiền vay cần được tính lãi là: $0,75\% \text{ tháng} \times 150\% = 1,125\% \text{ tháng}$.

Tòa án sơ thẩm đã áp dụng Điều 476 BLDS 2005 để tính lãi là đúng, nhưng Tòa án sơ thẩm chỉ tính lãi suất cơ bản $0,75\% \text{ tháng}$ là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 476 BLDS 2005.

[3.2]. Lãi suất của số tiền anh T đã cho chị T vay được tính như sau:

$15.000.000\text{đ} \times 1,125\% \text{ tháng} \times 60 \text{ tháng} = 10.170.000\text{đ}$.

$20.000.000\text{đ} \times 1,125\% \text{ tháng} \times 58 \text{ tháng} = 13.170.000\text{đ}$

Cộng 2 khoản lãi = $23.340.000\text{đ}$.

Chị T đã trả anh T $35.000.000\text{đ}$, trong đó được trừ vào tiền lãi là $23.340.000\text{đ}$; còn lại ($35.000.000\text{đ} - 23.340.000\text{đ}$) = $11.660.000\text{đ}$ được trừ vào số tiền vay gốc: $35.000.000\text{đ} - 11.660.000\text{đ} = 23.340.000\text{đ}$. Số tiền chị T còn phải trả anh T là $23.340.000\text{đ}$ (gốc).

[4]. Về án phí DSST: Anh T yêu cầu chị T trả anh tiền gốc + lãi = $138.705.000\text{đ}$, nhưng qua phân tích trên thì anh T chỉ được chấp nhận là $35.000.000\text{đ} + 23.340.000\text{đ} = 58.340.000\text{đ}$. Vì vậy anh T phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là ($138.705.000\text{đ} - 58.340.000\text{đ}$) = $80.365.000\text{đ}$. Và án phí DSST anh T phải chịu là: $80.365.000\text{đ} \times 5\% = 4.018.000\text{đ}$. Anh T kháng cáo cho rằng anh thắng kiện nên không phải chịu án phí là không có cơ sở.

Chị T phải chịu án phí DSST đối với số tiền phải trả anh T là: $23.340.000\text{đ} \times 5\% = 1.167.000\text{đ}$.

[5]. Từ những phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của anh T. Cần sửa án sơ thẩm. Các quyết định khác của Tòa sơ thẩm không có kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét mà giữ nguyên các phần quyết định đó của Tòa án sơ thẩm.

Anh T kháng cáo không phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của BLTTDS: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số:

14/2019/DS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân quận HK, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi tiền cho vay của anh H.A.T đối với chị L.T.A.T.

Buộc chị L.T.A.T phải trả cho anh H.A.T số tiền nợ gốc là 23.340.000đ (*Hai mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng*).

2/ Buộc anh H.A.T phải trả lại cho chị L.T.A.T các giấy tờ gốc sau: 01 quyền sở hộ khẩu mang tên chủ hộ là bà N. T.T + 01 Giấy khai sinh mang tên T.L.U+ 01 Giấy khai sinh mang tên L.T.A.T.

3/ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh H.A.T phải nộp án phí là: 4.018.000đ và được đối trừ vào số tiền tạm ứng 2.500.000đ đã nộp tại Biên lai thu số 01866 ngày 03/4/2017 của Chi cục THADS quận HK, Hà Nội. Anh T còn phải nộp tiếp 1.518.000đ (*Một triệu, năm trăm mười tám nghìn đồng*).

Chị L.T.A.T phải nộp án phí là: 1.167.000đ (*Một triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh H.A.T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh Tsố tiền 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu số 0379 ngày 26/7/2019 của Chi cục THADS quận HK, Hà Nội.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (thời gian tính lãi từ ngày 21/6/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận HK;
- Chi cục THADS quận HK;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thiện

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận HK;
- Chi cục THADS quận HK;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thiện

